jiā lǐ

# 家里

s · home

## Example Sentences

mèi mèi xǐ huān chàng gē tā jīng cháng zài jiā lǐ liàn xí
妹妹喜欢唱歌，她经常在家里练习。

My younger sister likes singing, and she often practices at home.

dōng tiān jiā lǐ yǒu nuǎn qì hěn shū fú
冬天家里有暖气很舒服。

It's very comfortable to have heating at home in winter

wǒ yāo qǐng péng yǒu lái jiā lǐ chī fàn
我邀请朋友来家里吃饭。

I invited friends to eat at home.

Trace each character, then write the word on your own.

家 家 家 家 家 家 家 家 家 家 家
家 家

里 里 里 里 里 里 里 里 里 里